

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày 10- 02 - 2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Quốc Sách.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

2. Ông Bùi Tấn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 tháng 01 và ngày 10 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Thùy D, sinh năm 1990; *Địa chỉ cư trú:* ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1990; *Địa chỉ cư trú:* ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (Đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Phạm Thị Thùy D trình bày: Vào năm 2014 chị và anh Nguyễn Văn C sau thời gian tìm hiểu đã đi đến hôn nhân (sống với nhau như vợ chồng), nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống

hạnh phúc và có sinh được 01 con chung tên Phạm Thị Tường V, sinh ngày 01/9/2015, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay, lý do anh C không chăm lo cho gia đình, bất đồng trong cuộc sống, nay không thể hàn gắn cảm vợ chồng được, nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Thị Tường V, sinh ngày 01/9/2015 hiện đang sống với chị D, nên chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn C, không có ý kiến gửi Tòa án, mặc dù đã được tổng đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ.

- Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

* Về tuân theo pháp luật tố tụng: Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

* Về nội dung vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

+ Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị D và anh C do có tìm hiểu nhau trước rồi đi đến hôn nhân, nhưng không có đăng ký kết hôn và nay đã có mâu thuẫn trong cuộc sống, nên xét thấy chị D yêu cầu ly hôn với anh C là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị D và anh C.

+ Về con chung: Đề nghị giao 01 con chung tên Phạm Thị Tường V, sinh ngày 01/9/2015 hiện đang sống với chị D, cho chị D được tiếp tục nuôi dưỡng, anh C chưa phải cấp dưỡng nuôi con, do chị D chưa yêu cầu.

+ Nợ chung, tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề nghị xem xét.

* Không yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ kiện ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và nguyên đơn, bị đơn

cùng có địa chỉ cư trú tại huyện Hồng Ngự, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn C đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do, nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn chị Phạm Thị Thùy D và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, xét thấy:

- Về hôn nhân: Vào năm 2014 sau khi tìm hiểu, thì chị D với anh C thống nhất sống với nhau thành vợ chồng tại gia đình bên anh C thuộc ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu chị D, anh C sống hạnh phúc và có với nhau 01 người con chung tên Phạm Thị Tường V, sinh ngày 01/9/2015. Theo chị D khai từ năm 2019 có xảy ra mâu thuẫn, chị D thì cho rằng mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn lại được, nên chị D xin ly hôn với anh C, anh C thì không có ý kiến tại Tòa án. Hội đồng xét xử, nhận thấy: Mặc dù Tòa án không làm việc được với anh C, nhưng xét về hôn nhân thì chị D, anh C đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình: *“Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên...”*, nhưng việc sống chung như vợ chồng của chị D, anh C lại không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình (theo lời tự khai của chị D và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp), nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng: Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”*, do đó, chiếu theo quy định của điều luật nêu trên thì không giải quyết như trường hợp hôn nhân hợp pháp, mà phải cần áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình để tuyên bố không công nhận chị D, anh C là vợ chồng.

- Về con chung: Theo chị D trình bày và tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì có 01 người con chung tên Phạm Thị Tường V, sinh ngày 01/9/2015 hiện đang sống với chị D, chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: mặc dù không có ý kiến của anh C, nhưng cháu Tường V từ nhỏ đến nay sống với chị D, do đó yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con của chị D là tự nguyện, phù hợp với pháp luật, nên chấp nhận và anh C vẫn có quyền thăm nom con chung.

- Về tài sản và nợ chung: Chị D khai rằng không có và không yêu cầu giải quyết, nên không đặt vấn đề xem xét.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí. Thì chị D là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào khoảng tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BI/2019/0003162 ngày 15/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, nên chị D đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm; Anh C không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 91, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 8, 9, 14, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí.

1. Tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị Thùy D với anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Chị Phạm Thị Thùy D được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phạm Thị Tường V, sinh ngày 01/9/2015 (hiện đang sống với chị Phạm Thị Thùy D); Anh Nguyễn Văn C có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn C chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị Phạm Thị Thùy D chưa yêu cầu.

4. Về tài sản, nợ chung: Chị Phạm Thị Thùy D khai không có và không yêu cầu giải quyết, nên không đặt vấn đề xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm:

+ Chị Phạm Thị Thùy D là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Phạm Thị Thùy D đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BI/2019/0003162 ngày 15/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, nên chị Phạm Thị Thùy D đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

+ Anh Nguyễn Văn C không phải nộp án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Phạm Thị Thùy D được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (10/02/2022). Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định.

7. Về hướng dẫn thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện Hồng Ngự;*
- *TAND tỉnh Đồng Tháp;*
- *Chi cục THADS huyện Hồng Ngự;*
- *UBND xã P;*
- *UBND xã P1;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lâm Quốc Sách